

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoàn

Các hội thẩm dân nhân: Ông Ngô Mạnh Hải

Ông Nguyễn Đăng Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1994 (có mặt).

Bị đơn: Anh Chu Huy T, sinh 1992 (có mặt)

HKTT: khu phố N, phường T, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Chị N trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Huy T người cùng khu phố vào tháng 5/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hồng. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị có về nhà anh T làm dâu, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T ở khu phố Nội Trì, phường Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh. Quá trình chung sống đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau, anh T thường xét nét chị về các khoản chi tiêu trong gia đình. Anh T đi làm không đưa tiền cho chị để nuôi con, không tôn trọng

gia đình chị. Chị cảm thấy mệt mỏi, không được tôn trọng nên ngày 01/01/2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan hệ tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Chu Thị Ngọc N, sinh ngày 29/3/2014 đang ở với anh T và Chu Quang Q sinh ngày 03/11/2017, đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu Quân còn anh T nuôi cháu Nhi vì cháu Quân còn nhỏ, cần sự chăm sóc của chị; cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết. Hiện tại chị đang làm nhân viên của Công ty TNHH Schenker Việt Nam, thu nhập khoảng 09 triệu đồng/tháng đảm bảo nuôi con đầy đủ; anh T hiện ở nhà kinh doanh hoa quả cùng bố mẹ, thu nhập bao nhiêu chị không rõ.

Tại phiên tòa, anh T trình bày không muốn hai con bị chia cách nên chị yêu cầu được nuôi cả hai con, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh T trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của Chị N về điều kiện, thời điểm kết hôn và chung sống là đúng. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống liên quan đến chi tiêu gia đình, vợ chồng chưa thông cảm với nhau, mối quan hệ giữa Chị N với mẹ anh cũng không được hòa thuận. Từ cuối năm 2019, Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống vẫn cùng khu phố, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Anh đã nhiều lần đến động viên Chị N về chung sống nhưng Chị N không đồng ý.

Anh xác định vẫn còn tình cảm với Chị N và hơn nữa hai con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn với Chị N.

Về con chung: anh xác nhận lời trình bày của Chị N về con chung là đúng.

Trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả hai con do Chị N đi làm có lúc phải tăng ca về muộn sẽ không có thời gian chăm con, còn anh ở nhà kinh doanh hoa quả cùng gia đình thu nhập khoảng 10 triệu/tháng và anh có nhiều thời gian chăm sóc con. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T trình bày trường hợp phải ly hôn thì anh nuôi cả hai con hoặc Chị N nuôi cả hai con vì anh không muốn các con bị chia cách.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N:

Quan hệ vợ chồng: cho Chị N được hôn với anh T.

Con chung: giao cháu Chu Bá Quân cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Chu Thị Ngọc N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Chu Huy T và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” , theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có Hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu phố Nội Trì, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, Bắc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Chu Huy T đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Nhung, anh T về chung sống với nhau cùng gia đình anh T tại Nội Trì, Tân Hồng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong cách chi tiêu, quản lý kinh tế trong gia đình, quan hệ giữa Chị N với mẹ chồng không được hòa thuận. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng không quan hệ tình cảm gì với nhau.

Theo ông Hùng là bố đẻ Chị N cho biết thì cuộc sống vợ chồng của Chị N anh T không hòa thuận hạnh phúc, mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn mẹ chồng con dâu, Chị N đã bế con về nhà bố mẹ đẻ nhiều lần nhưng được gia đình khuyên nhủ nên Chị N quay về chung sống với anh T. Đến cuối năm 2019 thì Chị N lại mang con về nhà bố mẹ đẻ sống và có nói vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, vẫn phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình mặt khác mẹ chồng không thương yêu, quan tâm mà thường mắng chửi Chị N nên phía gia đình đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu ly hôn của Chị N theo quy định pháp luật.

Theo ông Khiêm là bố đẻ anh T cho biết quá trình vợ chồng Chị N anh T chung sống cùng gia đình ông thì không thấy có mâu thuẫn gì, không xảy ra cãi cọ, xô xát nhưng từ cuối năm 2019 thì Chị N tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng Nhung- Tú ly thân từ đó đến nay, nguyên nhân vì sao thì ông không biết. Gia đình ông mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng Chị N anh T đoàn tụ chung sống với nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng Chị N không đồng ý quay về chung sống với anh T và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 10/7/2020, anh T xác định nếu Chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý do anh thấy vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống nhưng sau đó anh T lại thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn vì hai con còn nhỏ, mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nhưng anh không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân.

Qua đó, cho thấy có căn cứ để xác định vợ chồng Chị N, anh T đã xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau, không chung sống cùng nhau, đã vi phạm điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho Chị N được ly hôn với anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N, anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Chu Thị Ngọc N, sinh ngày 29/3/2014 và Chu Quang Q sinh ngày 03/11/2017

Tại phiên tòa, Chị N yêu cầu được nuôi cả hai con và anh T đồng ý để Chị N trực tiếp nuôi cả hai con; cấp dưỡng nuôi con Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết

Đối với yêu cầu này của Chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N có công việc, thu nhập, có chỗ ở ổn định cùng với sự phụ giúp của bố mẹ đảm bảo nuôi hai con; anh T cũng đồng ý giao hai con cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của Chị N và anh T về việc nuôi con như trên là phù hợp quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Chu Huy T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị N, anh T về con chung.

Giao cháu Chu Thị Ngọc N, sinh ngày 29/3/2014 và Chu Quang Q, sinh ngày 03/11/2017 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền Chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0003568 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Tân Hồng,
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn

